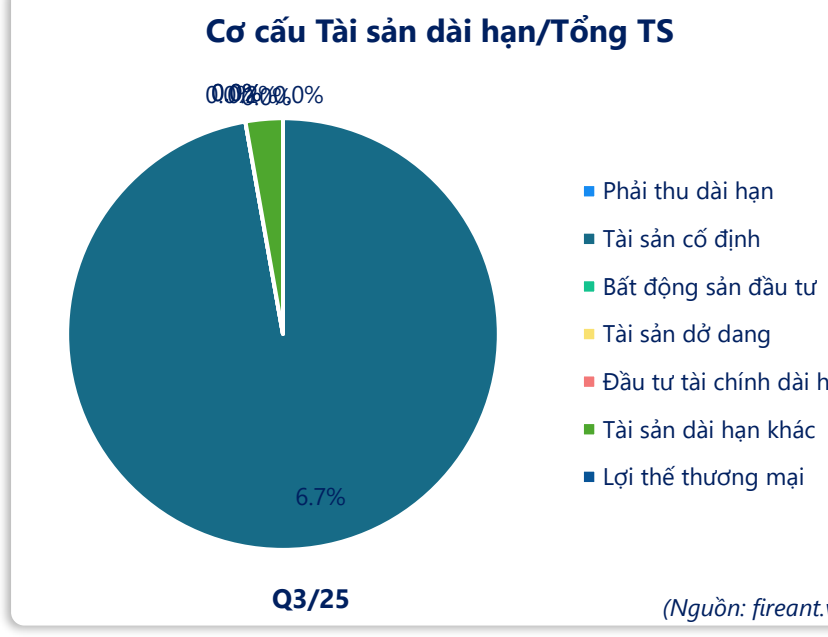
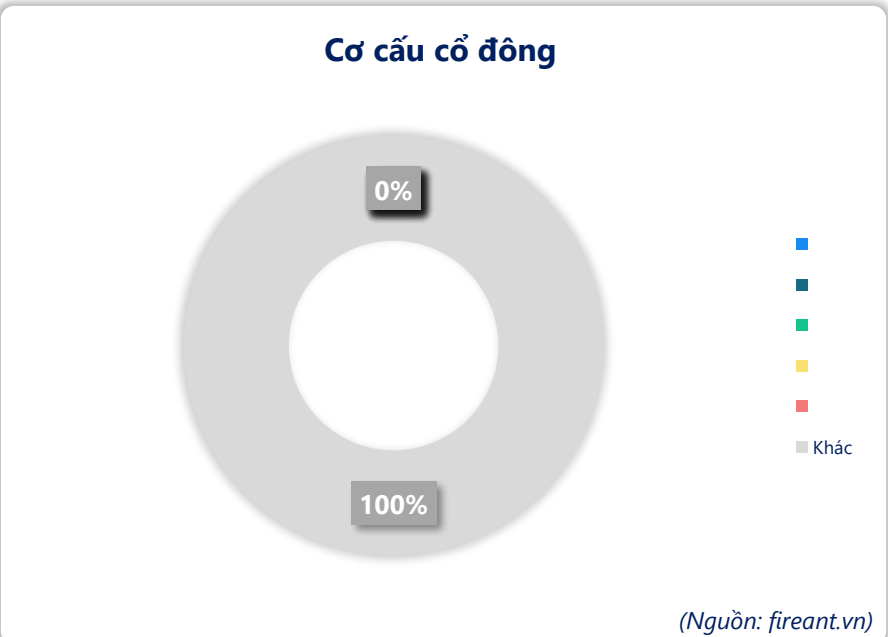
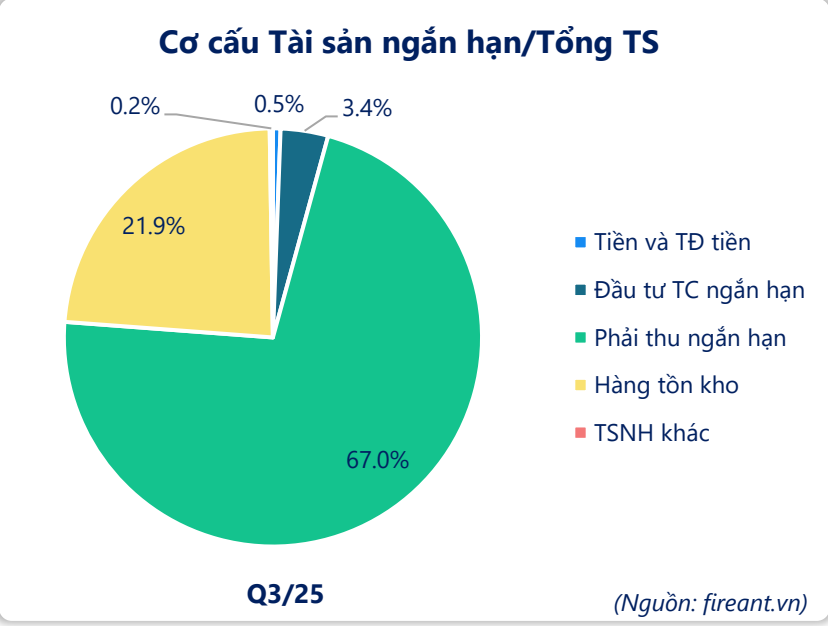
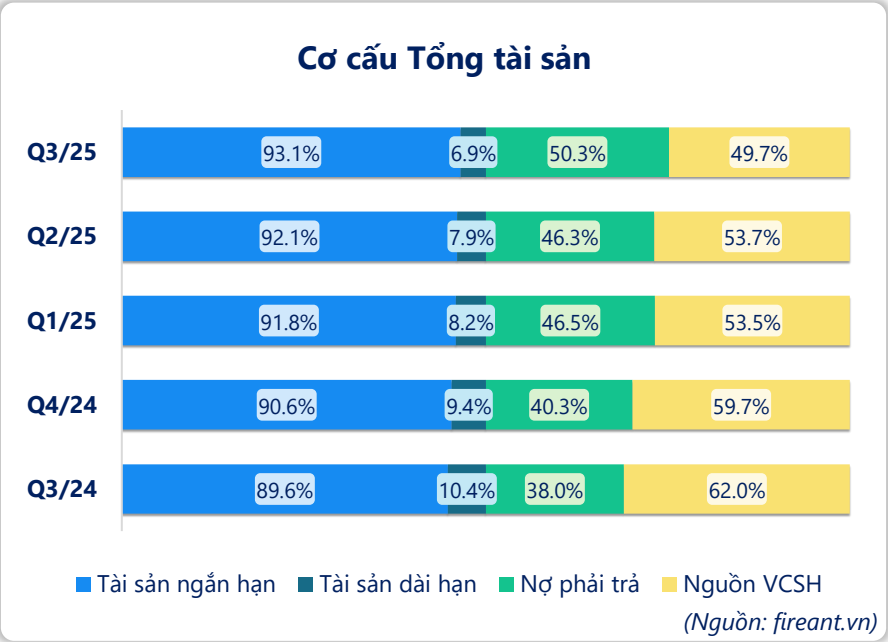
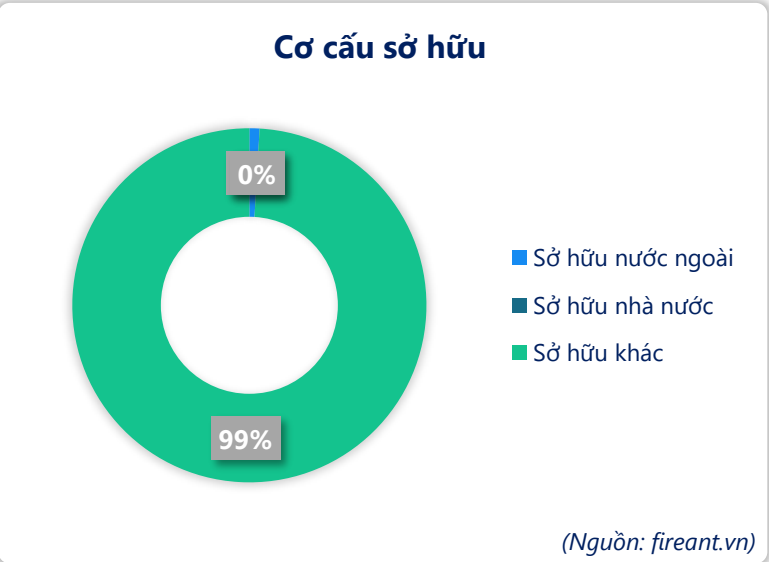
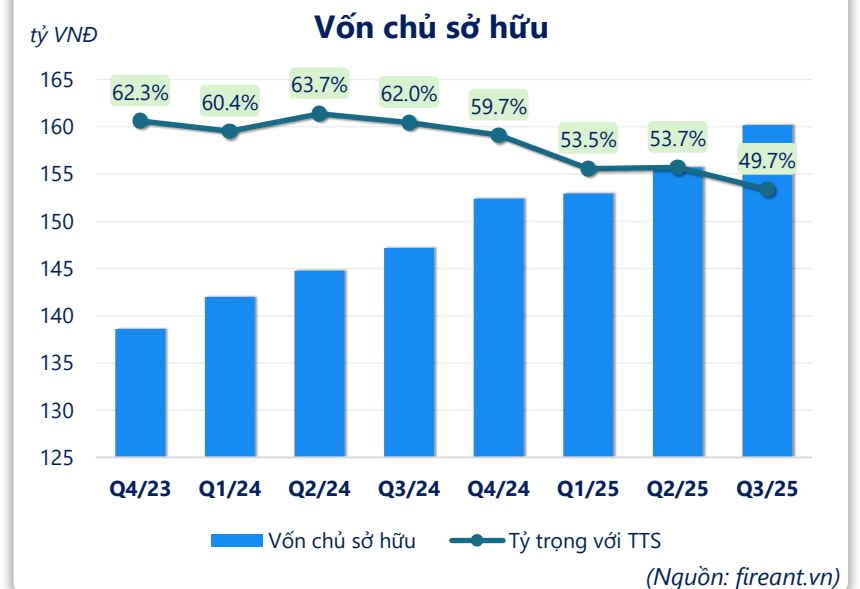
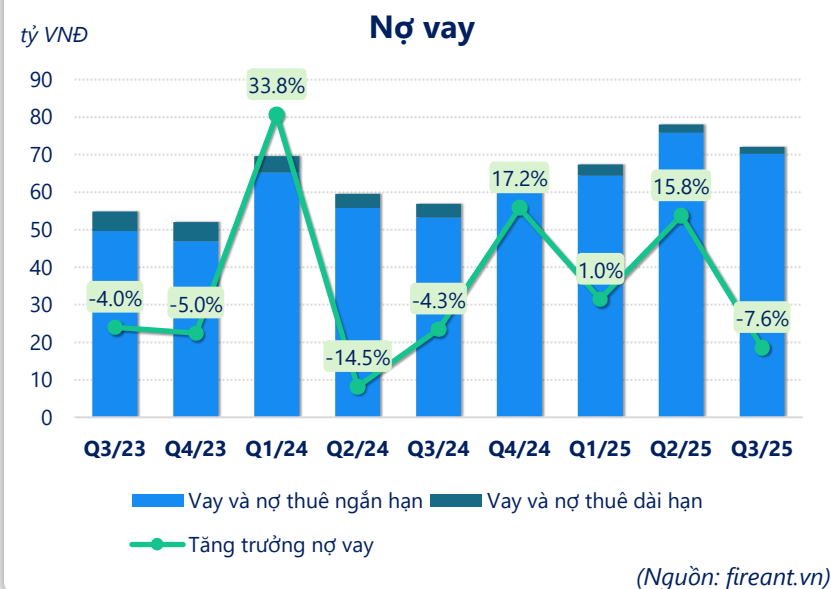
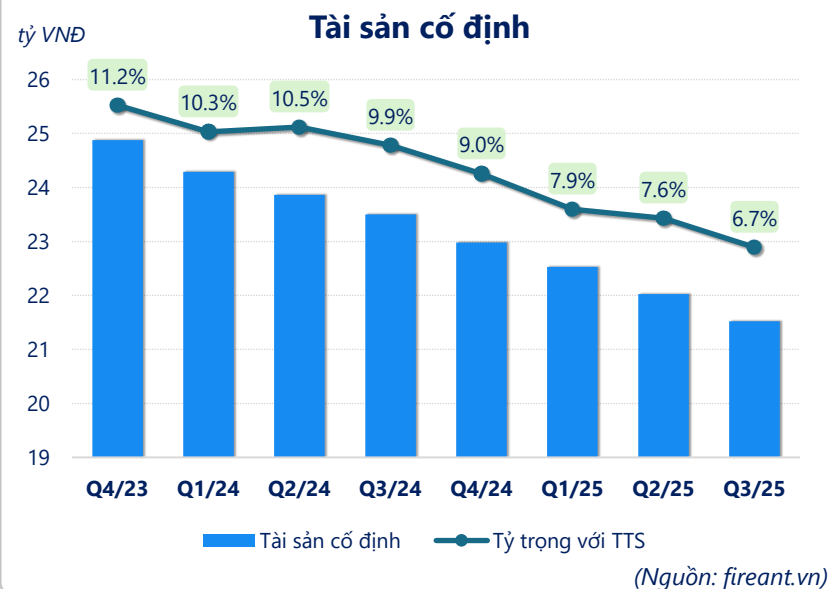
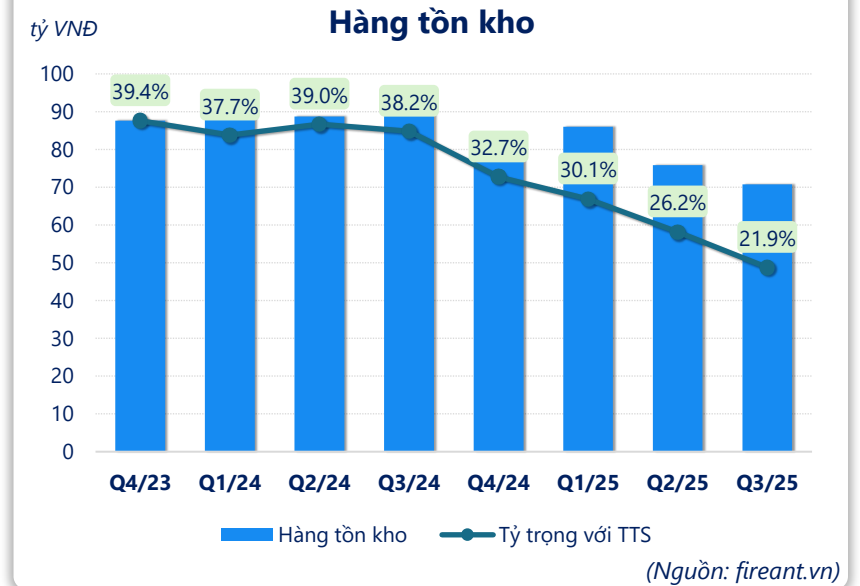
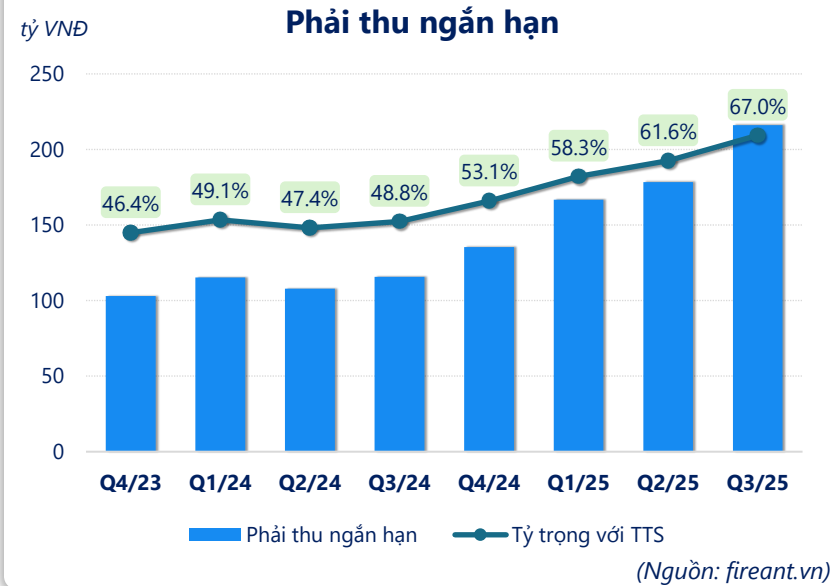
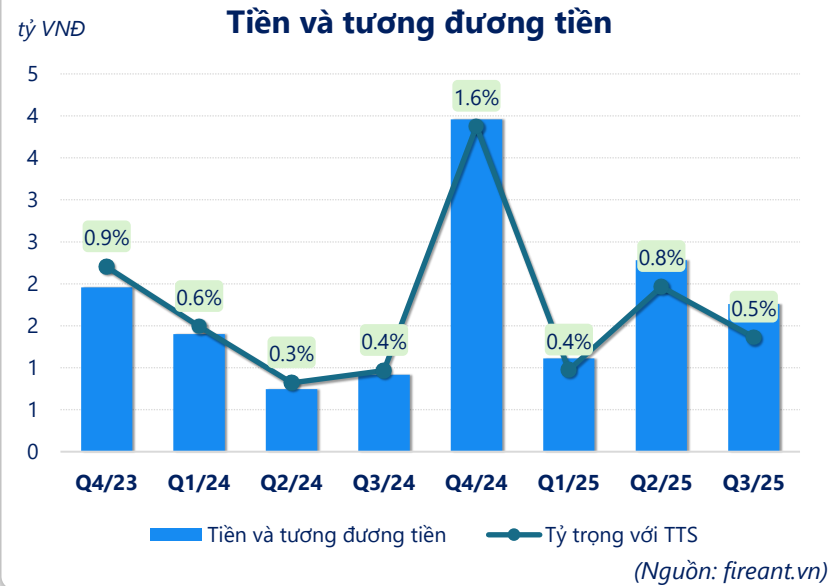
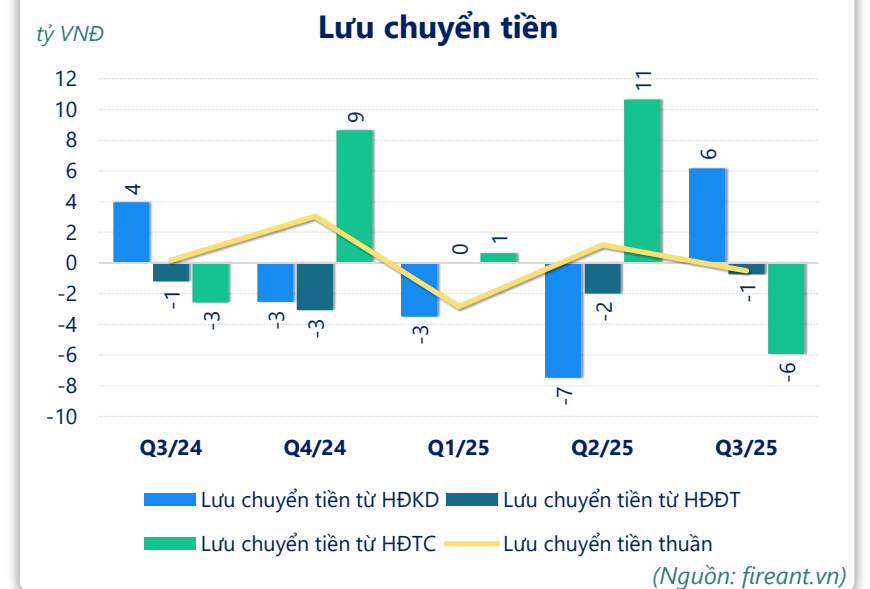
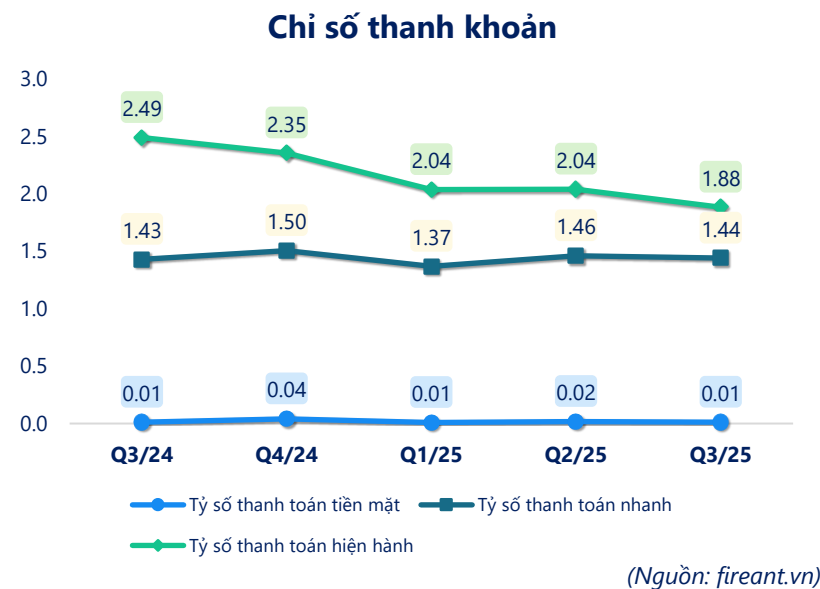
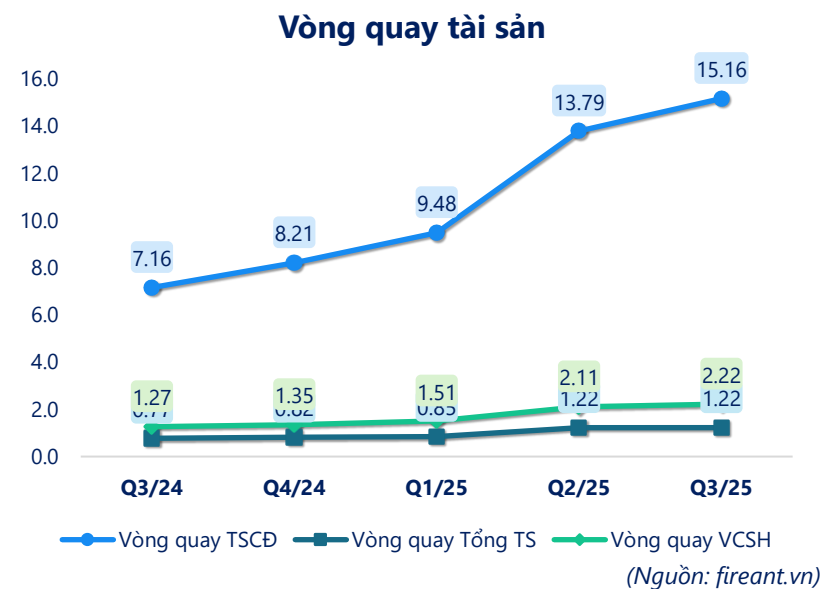
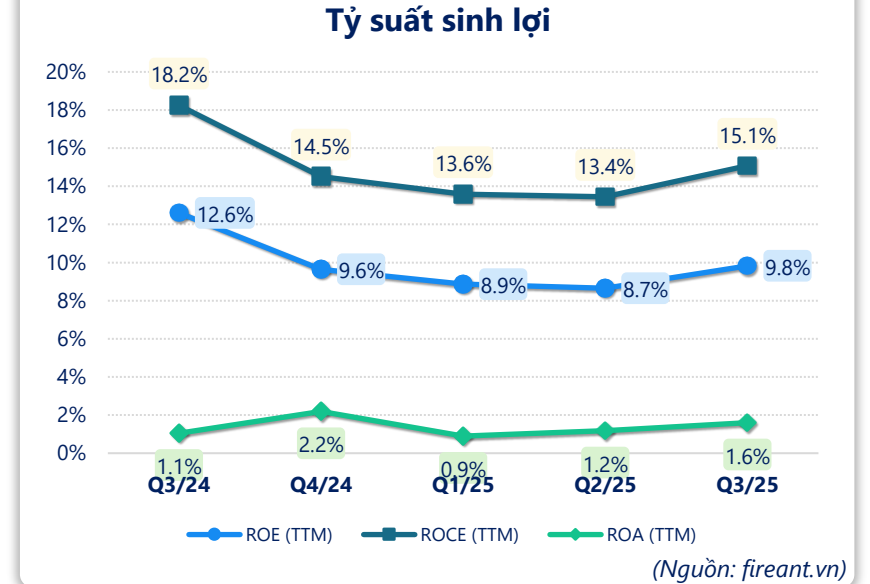
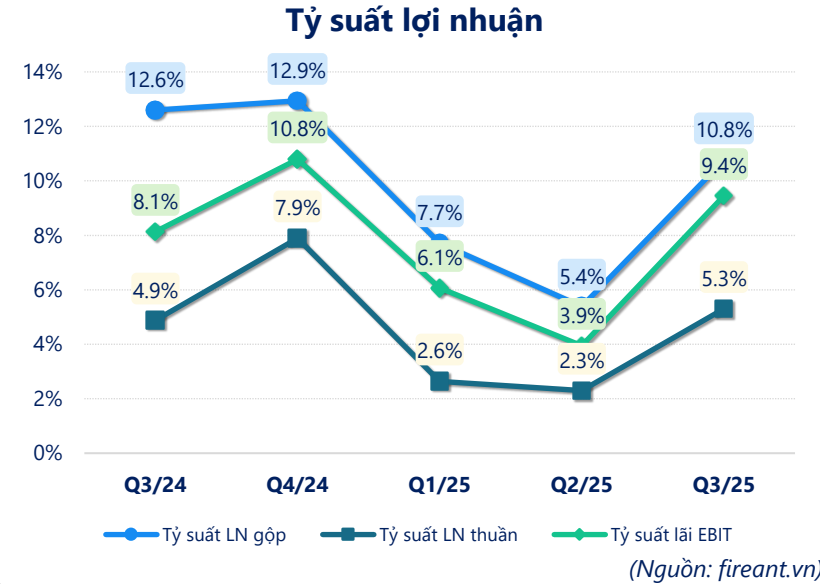
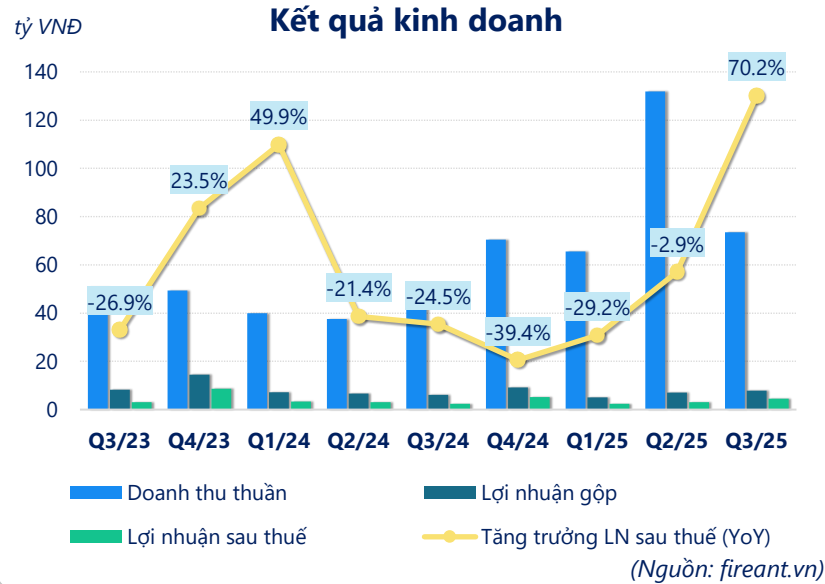


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,071
SL cổ phiếu LH		14,953,156
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,970
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		105
P/E		6.9
EPS		1,010

	YTD	1T	3T	6T
SHE	1.2%	-2.8%	-6.1%	0.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	323	253	27.6%
Tài sản ngắn hạn	300	229	31.3%
Tiền và tương đương tiền	1.76	3.96	-55.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	8.18	35.0%
Phải thu ngắn hạn	216	133	62.5%
Hàng tồn kho	70.8	83.5	-15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.74	0.16	376%
Tài sản dài hạn	22.1	24.0	-7.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.5	23.0	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.62	0.98	-36.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	162	102	58.9%
Nợ ngắn hạn	160	98.3	62.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.2	63.8	10.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.3	27.0	201%
Nợ dài hạn	2.75	3.86	-28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.84	2.95	-37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	160	151	6.4%
Vốn chủ sở hữu	160	151	6.4%
Vốn điều lệ	150	115	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	48.4	70.5	65.5	132	73.5
Giá vốn hàng bán	42.3	61.4	60.5	125	65.6
Lợi nhuận gộp	6.10	9.12	5.05	7.11	7.90
Doanh thu HĐTC	0.05	0.02	0.02	0.15	0.02
Chi phí TC	0.89	1.09	1.05	1.43	1.33
Chi phí lãi vay	0.89	1.06	1.05	1.39	1.32
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.81	0.71	0.45	0.44	0.56
Chi phí QLDN	2.09	1.78	1.84	2.35	2.14
LN thuần từ HĐKD	2.36	5.56	1.73	3.03	3.89
Lợi nhuận khác	0.68	0.98	1.20	0.78	1.72
LN trước thuế	3.04	6.54	2.93	3.82	5.61
Lợi nhuận sau thuế	2.38	5.23	2.34	3.05	4.49
LNST của CĐ cty mẹ	2.38	5.23	2.34	3.05	4.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.95	-2.53	-3.49	-7.48	6.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.20	-3.07	0.00	-2.00	-0.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.58	8.64	0.64	10.6	-5.94
Tiền đầu kỳ	0.75	0.92	3.96	1.11	2.28
Lưu chuyển tiền thuần	0.17	3.04	-2.85	1.17	-0.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.92	3.96	1.11	2.28	1.76

(Nguồn: fireant.vn)